

CÔNG TY CP KASATI

**QUY CHẾ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI**

TP. Hồ Chí Minh, 04/2014

MỤC LỤC

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh	3
Điều 2. Giải thích thuật ngữ	3
Chương II CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	4
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông.....	4
Điều 4. Trách nhiệm của cổ đông lớn.....	5
Điều 5. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường	5
Điều 6. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	7
Điều 7. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	7
Chương III THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	7
Điều 8. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	7
Điều 9. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	8
Điều 10. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị	9
Điều 11. Thành phần Hội đồng quản trị	9
Điều 12. Quyền của thành viên Hội đồng quản trị	10
Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	10
Điều 14. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	10
Điều 15. Họp Hội đồng quản trị	11
Điều 16. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị.....	11
Điều 17. Thù lao của Hội đồng quản trị	11
Điều 18. Thư ký công ty	11
Chương IV THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT	12
Điều 19. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	12
Điều 20. Các thức bầu thành viên Ban kiểm soát.....	12
Điều 21. Tư cách thành viên Ban kiểm soát	12
Điều 22. Thành phần Ban kiểm soát.....	12
Điều 23. Quyền tiếp cận thông tin của thành viên Ban kiểm soát.....	12
Điều 24. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	13
Điều 25. Thù lao của Ban kiểm soát.....	13
Chương V TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM CÁN BỘ QUẢN LÝ	14
Điều 26. Tổ chức bộ máy quản lý.....	14
Điều 27. Tiêu chuẩn lựa chọn cán bộ quản lý cấp cao	14
Điều 28. Thẩm quyền lựa chọn và bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý	15
Điều 29. Ký hợp đồng lao động với cán bộ quản lý.....	16
Điều 30. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ quản lý.....	16
Điều 31. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao.....	16
Chương VI QUY TRÌNH PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ TGD	17



Điều 32. Tổng giám đốc Công ty.....	17
Điều 33. Phó Tổng Giám đốc Công ty	18
Điều 34. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS VÀ TGD	18
Chương VII QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNHVIÊN BKS, THÀNH VIÊN BAN TGD VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	20
Điều 35. Đánh giá hoạt động đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên Ban TGD và cán bộ quản lý	20
Điều 36. Quy trình khen thưởng.....	21
Điều 37. Xử lý vi phạm và kỷ luật.....	21
Chương VIII NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....	21
Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác.....	21
Điều 39. Giao dịch với người có liên quan.....	22
Điều 40. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty	22
Chương IX BÁO CÁO, CÔNG BỐ VÀ BẢO MẬT THÔNG TIN	22
Điều 41. Nghĩa vụ công bố thông tin.....	22
Điều 42. Công bố thông tin về quản trị công ty.....	23
Điều 43. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD điều hành.....	23
Điều 44. Thông tin nội bộ.....	23
Điều 45. Quản lý thông tin nội bộ	23
Điều 46. Bảo mật thông tin.....	24
Chương X ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	24
Điều 47. Đào tạo về quản trị công ty	24
Chương XI CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT	25
Điều 48. Giám sát	25
Chương XII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	25
Điều 49. Điều khoản thi hành	25

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KASATI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2014

QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN KASATI

(Ban hành kèm theo quyết định số ... /QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày .../.../2014)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty cổ phần KASATI nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đồng thời thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp và mối quan hệ giữa thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Công ty.
2. Quy chế này được xây dựng dựa trên nền tảng các quy định về quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng được ban hành tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính.
3. Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này sẽ được điều chỉnh bởi những quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.
4. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa các quy định tại Quy chế này với Điều lệ công ty và/hoặc Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán thì những quy định tại Điều lệ Công ty và/hoặc Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán được ưu tiên áp dụng.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) “Công ty” là Công ty cổ phần KASATI
 - b) “Quản trị Công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:
 - Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
 - Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty;
 - Minh bạch trong hoạt động của công ty;
 - Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát công ty có hiệu quả.
 - c) “Cán bộ quản lý cấp cao” là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng công ty.

11/5/2014

- d) Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của luật Doanh nghiệp, và/hoặc quy định tại Khoản 34, Điều 6 Luật Chứng khoán.
 - e) Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
 - f) Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau:
 - Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và không phải là người có liên quan với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - Không phải là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc của các công ty con, công ty liên kết, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát;
 - Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của công ty;
 - Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho công ty trong hai (02) năm gần nhất;
 - Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào của công ty trong hai (02) năm gần nhất.
 - g) “Điều lệ công ty” là điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần KASATI.
2. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Quy chế này.
 3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Chương II CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, đặc biệt là:
 - a) Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c) Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của công ty;
 - d) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền

- biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
- e) Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong công ty.
2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành phải đền bù cho công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Trách nhiệm của cổ đông lớn

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của công ty và của các cổ đông khác.
2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường

1. Trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông gồm các nội dung chính sau
 - a) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông;
 - b) Việc triệu tập, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 17 Điều lệ Công ty.
 - c) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 19 Điều lệ Công ty.
 - d) Cách thức bỏ phiếu:
 - Đại hội đồng cổ đông thực hiện nguyên tắc bỏ phiếu trực tiếp bằng hình thức bỏ phiếu kín hoặc bỏ phiếu từ xa, hoặc biểu quyết trực tiếp tại đại hội.
 - Mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông tham dự có mặt tại đại hội cổ đông vào thời điểm bỏ phiếu có một phiếu biểu quyết cho các nội dung biểu quyết, trong đó ghi rõ mã số (hoặc số thứ tự) cổ đông, số cổ phần sở hữu và tổng số quyền biểu quyết.
 - Cổ đông bỏ phiếu vào thùng phiếu tuân tự theo quy định của Ban tổ chức đại hội hoặc bỏ phiếu từ xa (nếu có).
 - e) Cách thức kiểm phiếu:

Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.
 - f) Thông báo kết quả bỏ phiếu:

Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ

từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

g) Cách thức phân đôi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Cách thức phân đôi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 23 Điều lệ Công ty.

h) Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông:

- Cuộc họp đại hội đồng cổ đông phải chọn ra ít nhất một thư ký để ghi biên bản, biên bản họp đại hội đồng cổ đông phải được lập chi tiết và rõ ràng. Biên bản đại hội đồng cổ đông được xem là bằng chứng xác thực về những công việc đã được thực hiện tại đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 ngày kể từ khi ghi biên bản.

Biên bản đại hội đồng cổ đông được lập bằng tiếng Việt, bao gồm các nội dung sau:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.
- Thời gian và địa điểm họp đại hội đồng cổ đông.
- Chương trình và nội dung cuộc họp.
- Chủ tọa và thư ký.
- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.
- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Các quyết định đã được thông qua.
- Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.
 - Biên bản đại hội đồng cổ đông được thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
 - Biên bản họp đại hội đồng cổ đông được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp đại hội đồng cổ đông.

i) Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ra công chúng:

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định được thông qua, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông được thông báo đến các cổ đông có quyền dự họp. Việc công bố thông tin ra công chúng được thực hiện hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán cùng các văn bản pháp luật khác có liên quan.
2. Hội đồng quản trị sắp xếp chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lý, bố trí thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.
 3. Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người uỷ quyền vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có thể uỷ quyền cho Hội đồng quản trị hoặc các tổ chức lưu ký được cổ đông uỷ quyền làm đại diện, tổ chức lưu ký phải công khai

nội dung được uỷ quyền biểu quyết. Công ty có hướng dẫn thủ tục uỷ quyền và lập giấy uỷ quyền cho các cổ đông theo quy định.

4. Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán có thể được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề kiểm toán.
5. Nhằm tăng cường hiệu quả của các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, công ty áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất.
6. Hàng năm công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty không tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
7. Các nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo điều 21 Điều lệ công ty.
8. Quy định về trình tự, thủ tục triệu tập đại hội đồng cổ đông bất thường theo điều lệ hiện hành của Công ty.

Điều 6. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm tài chính;
2. Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
3. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
4. Kết quả giám sát đối với Giám đốc điều hành;
5. Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý khác;
6. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 7. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;
2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát;
3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;
4. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác;
5. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cổ đông.

Chương III

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 8. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định

được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu bảy (07) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - Các lợi ích có liên quan tới công ty (nếu có);
 - Các thông tin khác (nếu có).
2. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.
 3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.
 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 90% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên.
 5. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ của công ty. Cơ chế Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 9. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Công ty quy định và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị theo phương thức dồn phiếu như sau:

1. Mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông tham dự có mặt tại Đại hội đồng cổ đông vào thời điểm bầu cử có một phiếu bầu. Giá trị biểu quyết của phiếu bầu tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện.
2. Việc bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín, bầu trực tiếp, theo phương thức bầu dồn phiếu; theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
3. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu cử tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.
4. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên

có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

5. Công ty sẽ nỗ lực trong việc chia sẻ thông tin cho cổ đông thông qua việc chuẩn bị tài liệu hướng dẫn cách bầu dồn phiếu một cách có hiệu quả cho cổ đông.

Điều 10. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ công ty cấm làm thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của công ty.
2. Công ty cần hạn chế thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm các chức danh quản lý trong bộ máy điều hành của công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc điều hành trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
4. Việc miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên hội đồng quản trị được thực hiện theo các quy định tại điều 24 Điều lệ công ty.

Điều 11. Thành phần Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) là năm (05) người. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty.
2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên nắm giữ các chức danh điều hành với các thành viên không điều hành/độc lập, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành/ độc lập. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống
3. Thành viên HĐQT của công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT của trên năm (05) công ty khác, trừ trường hợp là thành viên Hội đồng quản trị của các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế hoặc là người đại diện của công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán.
4. Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ công ty. Việc bầu mới thành viên Hội đồng quản trị thay thế phải được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

TC
Minh

Điều 12. Quyền của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

Điều 13. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố cho công ty các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty.
5. Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật (nếu cổ phiếu Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán).
6. Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 14. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của công ty.
3. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.
4. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm thực hiện trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 8, 9, 10 quy chế này và Điều 24 Điều lệ công ty; và trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị quy định tại Điều 15 quy chế này và Điều 27 Điều lệ công ty.
5. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm thực hiện quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý theo quy định tại Điều 27, 28, 29, 30, 31 quy chế này.
6. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm thực hiện quy định về quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành theo quy định tại Điều 34 quy chế này.
7. Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và

các cán bộ quản lý khác theo quy định tại Điều 35, 36, 37 quy chế này.

8. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Điều 15. Hợp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị tổ chức họp theo đúng trình tự được quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo đúng thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 16. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu cần), bao gồm tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban đặc biệt khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
2. Tiểu ban nhân sự và tiểu ban lương thưởng phải có ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị độc lập làm trưởng ban.
3. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên khi thành lập.
4. Trường hợp Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị thì Hội đồng quản trị phải cử thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách riêng về từng vấn đề như lương thưởng, nhân sự.

Điều 17. Thù lao của Hội đồng quản trị

1. Thù lao của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm và được công bố theo quy định.
2. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành của công ty và các công ty con thì thù lao được công bố phải bao gồm các khoản lương, thưởng gắn với chức danh điều hành và các khoản thù lao khác.
3. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do công ty thanh toán, cấp cho từng thành viên Hội đồng quản trị được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của công ty.

Điều 18. Thư ký công ty

1. Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Thư ký công ty. Thư ký công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật. Thư ký công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.
2. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký công ty bao gồm:
 - Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - Tham dự các cuộc họp;



- Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
 - Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Chương IV

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại các Khoản 1, 2, 3 Điều 8 Quy chế này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty. Cơ chế đề cử của Ban kiểm soát đương nhiệm được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 20. Các thức bầu thành viên Ban kiểm soát

Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 21. Tư cách thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ công ty cấm làm thành viên Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Thành viên Ban kiểm soát có thể không phải là cổ đông của công ty.
2. Thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.
3. Thành viên Ban kiểm soát không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác.

Điều 22. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người. Trong Ban kiểm soát có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.
2. Trưởng Ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.

Điều 23. Quyền tiếp cận thông tin của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các thành viên Ban kiểm soát.

2. Công ty xây dựng cơ chế nhằm hỗ trợ thành viên Ban kiểm soát hoạt động và thực thi nhiệm vụ một cách có hiệu quả theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 24. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cổ đông và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công ty và cổ đông.
2. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
3. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm.
4. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.
5. Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.
6. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

Điều 25. Thù lao của Ban kiểm soát

Hàng năm các thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của Ban kiểm soát. Thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng số thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà công ty đã thanh toán, cấp cho từng thành viên Ban kiểm soát được công bố trong Báo cáo thường niên của công ty và cho các cổ đông.

24
11
10

Chương V
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM,
MIỄN NHIỆM CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 26. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc điều hành (Tổng Giám Đốc), các Phó tổng giám đốc điều hành (Phó Tổng Giám Đốc) và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm.
3. Cán bộ quản lý phải được đào tạo theo từng chuyên ngành, có đủ năng lực giải quyết công việc và có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

Điều 27. Tiêu chuẩn lựa chọn cán bộ quản lý cấp cao

1. Cán bộ quản lý cấp cao bao gồm Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng.
2. Tiêu chuẩn lựa chọn tổng giám đốc (TGD):
TGD phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, điều 13, Luật doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh và/hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty;
 - c) Có trình độ từ đại học trở lên;
 - d) Các quy định khác theo điều lệ công ty;
 - e) Nhiệm kỳ của TGD là ba (03) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;
 - f) TGD không được đồng thời là Giám đốc hoặc TGD của doanh nghiệp khác.
3. Tiêu chuẩn lựa chọn phó tổng giám đốc (Phó TGD):
 - a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh và/hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty;
 - c) Có trình độ từ đại học trở lên;
 - d) Nhiệm kỳ của Phó TGD là ba (03) năm. Phó TGD có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;
4. Tiêu chuẩn lựa chọn kế toán trưởng (KTT):
 - a) Không thuộc đối tượng những người không được làm kế toán quy định tại điều 51 Luật Kế toán năm 2003;

- b) Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và của công ty;
- c) Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên và có thời gian công tác thực tế là kế toán từ hai (02) năm trở lên;
- d) Có chứng chỉ bồi dưỡng Kế toán trưởng theo quy định tại Quy chế về tổ chức bồi dưỡng và cấp chứng chỉ kế toán trưởng theo quy định của Bộ Tài chính;
- e) Nhiệm kỳ của KTT là ba (03) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 28. Thẩm quyền lựa chọn và bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý

1. Hội đồng quản trị là tổ chức trực tiếp bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc chấp thuận từ chức của cán bộ quản lý cấp cao trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Phân cấp thẩm quyền lựa chọn và bổ nhiệm cán bộ quản lý như sau:
 - a) Hội đồng Quản trị Công ty trực tiếp ký bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao bao gồm: Tổng Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc; Kế Toán trưởng. Các chức danh cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm bao gồm: Giám đốc Chi nhánh (đối với Chi nhánh hạch toán độc lập).
 - Thành viên Hội đồng quản trị có quyền đề xuất và biểu quyết thông qua quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám Đốc căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh, các tiêu chuẩn lựa chọn TGD và nhu cầu công việc của công ty.
 - Tổng Giám đốc có quyền đề xuất và giới thiệu cho Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh (đối với Chi nhánh hạch toán độc lập) căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh, các tiêu chuẩn và nhu cầu công việc của vị trí cần bổ nhiệm.
 - Sau khi tập hợp đủ danh sách các ứng viên để bổ nhiệm vào vị trí Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh (đối với Chi nhánh hạch toán độc lập), Hội đồng quản trị tổ chức lấy phiếu biểu quyết trong Hội đồng quản trị. Nếu ứng viên đạt tối thiểu 2/3 ý kiến biểu quyết nhất trí của các thành viên Hội đồng quản trị thì Hội đồng quản trị ra nghị quyết bổ nhiệm vị trí đã biểu quyết.
 - b) Tổng Giám đốc trực tiếp ký bổ nhiệm, miễn nhiệm sau khi trình HĐQT Công ty phê chuẩn: Giám đốc Chi nhánh (đối với Chi nhánh hạch toán phụ thuộc).
 - c) Các chức danh cán bộ còn lại sẽ do Tổng Giám đốc trực tiếp quyết định và ký bổ nhiệm, miễn nhiệm bao gồm:
 - Nhân sự lãnh đạo cấp phòng, trung tâm;
 - Các phó giám đốc và kế toán trưởng hoặc trưởng phòng tài chính kế toán chi nhánh;
 - Cán bộ, nhân viên thuộc diện lao động hợp đồng và các chức danh khác của Công ty không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị hoặc theo ủy quyền của Hội đồng quản trị.
3. Thời hạn bổ nhiệm:
 - Đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng là 03 năm;

- Đối với cán bộ quản lý khác do TGD quyết định nhưng không quá 03 năm, và có thể được tái bổ nhiệm.

Điều 29. Ký hợp đồng lao động với cán bộ quản lý

1. Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động đối với chức danh Tổng giám đốc.
2. Các chức danh Phó Tổng Giám đốc; Kế Toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh cán bộ quản lý khác do Tổng giám đốc ký hợp đồng lao động.
3. Hợp đồng lao động Công ty ký với cán bộ quản lý cấp cao (Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc; Kế Toán trưởng) là hợp đồng lao động không xác định thời hạn và được thực hiện theo quy định của Luật Lao động.
4. Hợp đồng lao động với cán bộ quản lý khác do Tổng Giám đốc quyết định và được thực hiện theo quy định của Luật Lao động.

Điều 30. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ quản lý

1. TGD, Phó TGD, KTT khi muốn từ chức phải làm đơn gửi cho HĐQT. HĐQT xem xét và ra quyết định trong thời hạn một (01) tháng kể từ khi tiếp nhận đơn xin từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn y của HĐQT, cán bộ quản lý cấp cao đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.
2. Các vị trí quản lý khác khi xin từ chức phải làm đơn gửi người quản lý trực tiếp của mình. Người quản lý trực tiếp có trách nhiệm xem xét và trình Tổng giám đốc Công ty hoặc Hội đồng quản trị (nếu chức danh thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị) ra quyết định trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến phê chuẩn của Tổng giám đốc hoặc Hội đồng quản trị (nếu chức danh thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị), Cán bộ quản lý đó phải tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ của mình tại đúng vị trí đã được bổ nhiệm.
3. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc nếu Tổng giám đốc đồng thời là thành viên hội đồng quản trị).
4. Cán bộ quản lý công ty có thể bị miễn nhiệm trong các trường hợp:
 - Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ của Công ty;
 - Do sức khỏe của cán bộ quản lý không đảm bảo để tiếp tục công tác;
 - Không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc vi phạm nội quy, quy chế của công ty, hoặc vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng;
 - Phẩm chất đạo đức kém, ảnh hưởng đến văn hóa doanh nghiệp của Công ty;
 - Tư lợi cá nhân; vi phạm các nguyên tắc về bảo mật thông tin nội bộ;
 - Có đơn xin từ chức.

Điều 31. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao

Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp cao của Công ty được thông báo trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý cấp trung gian trong toàn Công ty và các cá nhân/tổ chức khác theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

Chương VI
QUY TRÌNH PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Điều 32. Tổng giám đốc Công ty

1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám Đốc điều hành (Tổng Giám Đốc) căn cứ vào các tiêu chuẩn lựa chọn TGD và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.
Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc:
Nhiệm vụ và quyền hạn của TGD được quy định tại điều 30 của Điều lệ Công ty.
3. Mối quan hệ giữa TGD với HĐQT
 - a) Tổng Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo lên Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông khi được yêu cầu.
 - b) TGD chịu trách nhiệm nghiên cứu xây dựng các phương án hoạt động để trình HĐQT; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Khi phát hiện những vấn đề không có lợi cho Công ty, TGD báo cáo HĐQT để ra quyết định điều chỉnh. Nếu HĐQT không điều chỉnh, TGD vẫn phải thực hiện theo quyết định của HĐQT nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị trước ĐHCĐ gần nhất.
 - c) TGD được quyền từ chối thực hiện những quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; và báo cáo giải trình ngay với HĐQT và BKS bằng văn bản. HĐQT có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của TGD nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty, nghị quyết và các quyết định của HĐQT.
 - d) TGD được quyền quyết định và chịu trách nhiệm về các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như: thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn; nhưng phải đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị.
 - e) TGD chịu trách nhiệm giải trình về sự thua lỗ, kém hiệu quả, sự cố tài chính...trong từng thời kỳ và phải có kế hoạch khắc phục trước HĐQT và ĐHCĐ. Trường hợp thua lỗ liên tục và/hoặc không xây dựng được phương án tích cực thì HĐQT sẽ nghị quyết bãi nhiệm TGD.
 - f) TGD được quyền đề xuất các vấn đề khác thuộc quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị lên Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị quyết định hoặc Hội đồng quản trị trình lên Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.
 - g) Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc nếu Tổng giám đốc đồng thời là thành viên hội đồng quản trị).

Điều 33. Phó Tổng Giám đốc Công ty

Các Phó Tổng giám đốc thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo sự ủy quyền của Tổng Giám đốc điều hành. Việc ủy quyền được thực hiện bằng văn bản theo quy định của pháp luật dân sự.

Điều 34. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc**1. Quy định chung**

Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình phải tuân thủ điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

- a) Tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh và công việc của Công ty đều chịu sự quản lý, chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
- b) Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.
- c) Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Tổng Giám đốc xử lý công việc thay mặt Công ty.
- d) Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- e) Ban kiểm soát thực hiện giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- f) Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện đúng và đầy đủ chức năng và quyền hạn của mình theo quy định của điều lệ Công ty và pháp luật.

2. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

- a) Cuộc họp định kỳ giữa hội đồng quản trị (HĐQT), ban kiểm soát (BKS) và TGD đồng thời là cuộc họp định kỳ hàng quý của HĐQT. Nội dung cuộc họp định kỳ hàng quý bao gồm: báo cáo đánh giá tình hình, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, kết quả đạt được, những vấn đề tồn tại cần khắc phục và các vấn đề phát sinh cần giải quyết khác (nếu có) của Công ty.
- b) HĐQT cũng có thể tổ chức họp bất thường giữa HĐQT, BKS và TGD vào những thời điểm khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích công ty.
- c) Thời gian, địa điểm, thông báo mời họp, nội dung, chương trình họp, các tài liệu có liên quan và các vấn đề khác được thực hiện theo quy định tại Điều 27 Điều lệ công ty.
- d) Bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.
- e) Kết quả các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được thông báo đến thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.



3. *Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Tổng giám đốc và Ban kiểm soát*
 Các Nghị quyết của HĐQT đều phải được thông báo đến Tổng giám đốc và Ban kiểm soát biết. Tổng Giám đốc có trách nhiệm cung cấp tất cả các thông tin liên quan đến hoạt động của Công ty để báo cáo lên HĐQT và BKS.
4. *Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:*
 HĐQT phải triệu tập cuộc họp khi có đề nghị bằng văn bản của TGD hoặc đa số thành viên BKS trong các trường hợp sau:
 - a) HĐQT, thành viên HĐQT vi phạm nghiêm trọng trách nhiệm của người quản trị điều hành.
 - b) Có vấn đề liên quan đến lợi ích của Công ty và cổ đông mà cần thiết phải tổ chức ngay cuộc họp HĐQT để giải quyết.
5. *Báo cáo của TGD với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao*
 - a) TGD chịu trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao, theo định kỳ (quý, 6 tháng, năm) và khi có yêu cầu;
 - b) Khi cần thiết, HĐQT có quyền (thông qua truyền đạt của TGD) yêu cầu các thành viên Ban TGD, KTT và các Giám đốc chi nhánh, Trưởng phó các bộ phận trong công ty báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
6. *Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc.*
 - a) Theo định kỳ (quý, 6 tháng, năm), TGD phải tổ chức họp Ban TGD để kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT;
 - b) Biên bản họp Ban TGD phải được lưu trữ, làm cơ sở trích dẫn, đưa thông tin vào báo cáo TGD đến HĐQT.
7. *Các vấn đề TGD phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, Ban kiểm soát:*
 - a) Kết quả thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của công ty, kế hoạch kinh doanh hàng năm đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
 - b) Báo cáo hoạt động điều hành công ty, trong đó có cung cấp chi tiết tình hình tổ chức và hoạt động của công ty;
 - c) Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, TGD phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính kế tiếp;
 - d) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của công ty;
 - e) Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do HĐQT đề xuất, và tư vấn để HĐQT quyết định chính sách của cán bộ quản lý;
 - f) Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, chính sách và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động;



- g) Chuẩn bị và đệ trình đề HĐQT thông qua các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ) phục vụ hoạt động quản lý của công ty theo kế hoạch;
 - h) Tất cả thông tin, báo cáo đều thực hiện bằng văn bản, do TGD trực tiếp chuyển đến Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS.
8. *Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc*
- a) Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban TGD thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho nhau làm việc theo các nhiệm vụ cụ thể của mình theo quy định pháp luật, điều lệ công ty, qui chế này và các quy định khác của công ty;
 - b) Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc không can thiệp vào công việc điều hành theo hệ thống chức năng nhiệm vụ khác nhau của mình;
 - c) Trường hợp cấp bách, các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban TGD có thể thông tin ngay (bằng gặp gỡ, điện thoại, email) cho Chủ tịch HĐQT hay Trưởng Ban Kiểm soát, TGD hoặc cả ba (03) người để được giải quyết hiệu quả.

Chương VII

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 35. *Đánh giá hoạt động đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên Ban TGD và cán bộ quản lý*

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, HĐQT đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên HĐQT, Ban TGD và cán bộ thuộc quyền quản lý theo phân cấp tại Điều 28 của Quy chế này.
2. TGD chủ trì công tác đánh giá các cán bộ thuộc quyền quản lý theo phân cấp quản lý cán bộ tại Điều 28 của Quy chế này
3. Trưởng ban Kiểm soát đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên BKS.
4. Tiêu chuẩn và phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ:
 - *Tiêu chuẩn đánh giá:*
 - Đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: việc đánh giá căn cứ vào tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - Đối với TGD, cán bộ quản lý cấp cao và các cán bộ quản lý khác của Công ty: việc đánh giá căn cứ vào tình hình thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký và các chỉ tiêu kế hoạch hàng năm được giao giữa Hội đồng quản trị với Tổng Giám đốc và giữa Tổng Giám đốc với các cán bộ quản lý đó.
 - *Phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo các mức:*
 - Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
 - Hoàn thành nhiệm vụ.
 - Không hoàn thành nhiệm vụ.

18/10
 K
 10

Điều 36. Quy trình khen thưởng

1. Thực hiện theo quy chế Thi đua và Khen thưởng của Công ty.
2. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng và nguồn hợp pháp khác của Công ty hoặc theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Điều 37. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ kỷ luật và hình thức kỷ luật theo quy định của điều lệ, qui chế này và các quy định khác của công ty đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và cán bộ quản lý.
 - Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, cán bộ quản lý cấp cao và các cán bộ quản lý khác của Công ty không hoàn thành nhiệm vụ được giao sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do người đó gây ra.
 - Hình thức kỷ luật: các thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, cán bộ quản lý cấp cao và các cán bộ quản lý khác của Công ty có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp được qui định tại Điều 30 của Quy chế này và theo các quy định của Điều lệ Công ty.
2. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, cán bộ quản lý cấp cao và các cán bộ quản lý khác của Công ty khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của Công ty, tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VIII NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của công ty.
6. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 39. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.
2. Công ty có thể áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hoá của công ty hay lũng đoạn giá cả.
3. Công ty có thể áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan.

Điều 40. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến công ty.
2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến công ty thông qua việc:
 - a) Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của công ty và đưa ra quyết định;
 - b) Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành.
3. Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Chương IX

BÁO CÁO, CÔNG BỐ VÀ BẢO MẬT THÔNG TIN

Điều 41. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công

ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngoài ra, công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

- Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 42. Công bố thông tin về quản trị công ty

- Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 43. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 38 quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:

- Các giao dịch giữa công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trước.
- Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành hoặc cổ đông lớn.
- Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với các thành viên nêu trên.

Điều 44. Thông tin nội bộ

- Thông tin nội bộ của Công ty bao gồm các dữ liệu, hồ sơ, vật chứng, hình ảnh,.. liên quan mật thiết đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và tư liệu về cá nhân của các cổ đông lớn hoặc thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát.
- Thông tin nội bộ được lưu giữ cẩn thận bởi những người có thẩm quyền trong Công ty trong mọi trường hợp.
- Thông tin nội bộ chỉ được cung cấp khi có yêu cầu hợp lý của các cơ quan quản lý chức năng phục vụ mục đích hợp pháp trong thời gian nhất định, trong phạm vi cho phép nếu được sự đồng ý của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát.

Điều 45. Quản lý thông tin nội bộ

Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm cao nhất trong việc xây dựng tiêu thức phân loại thông tin và hệ thống quản lý thông tin nội bộ phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 46. Bảo mật thông tin

Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Hội đồng quản trị thì không một thành viên nào của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, cổ đông hoặc người có liên quan nào được phép tiết lộ bất kỳ thông tin nào liên quan tới Công ty hoặc các hoạt động kinh doanh của Công ty mà thông tin đó không được phổ biến hoặc không dễ suy luận từ các thông tin đã được phổ biến rộng rãi, trừ khi người tiếp nhận thông tin là:

1. Công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn (nếu có).
2. Các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
3. Cán bộ quản lý và nhân viên của Công ty hoặc các kiểm toán viên, tư vấn với lý do những người này cần biết thông tin để thực hiện công việc của mình trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhưng trong trường hợp này, người tiếp nhận thông tin phải bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác.
4. Cho một số lượng nhất định các nhà đầu tư tiềm năng đang tìm kiếm cơ hội để mua cổ phần của Công ty, với điều kiện là những người này phải cam kết bằng văn bản sẽ bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác.
5. Các nội dung được yêu cầu phải cung cấp thông tin theo quy định của luật pháp, quy định về giao dịch chứng khoán hoặc theo yêu cầu của tòa án, thuế, hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương X**ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY****Điều 47. Đào tạo về quản trị công ty**

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, Thư ký công ty của Công ty được công ty tổ chức tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận.

Chương XI CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT

Điều 48. Giám sát

Công ty, các tổ chức và cá nhân có liên quan phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Chương XII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 49. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này gồm 12 chương, 49 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký quyết định ban hành.
2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định liên quan tới quy chế này do HĐQT Công ty quyết định.
3. Trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với điều khoản trong quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



LÊ MINH TRÍ



